

Bản án số: 147/2024/DS-ST

Ngày: 25 - 9 - 2024.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Võ Minh Quang.

***- Thư ký phiên Tòa:*** Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn: Ngân hàng T.***

Địa chỉ: N, phường S, N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện cho Ngân hàng T: **Ông Nguyễn Văn H** - Chức vụ: **Phó Giám đốc Chi nhánh Bến Tre kiêm Trưởng phòng Giao dịch Bình Đại**, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T.

Ủy quyền: **Ông Nguyễn Bảo Q** - Chức vụ: **Phó phòng Giao dịch Bình Đại - Chi nhánh Bến Tre**. Địa chỉ: 159/C, Khu phố 3, Thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền số **97B/2024/UQ-PGDĐT** ngày **06/8/2024** của **Trưởng phòng Giao dịch Bình Đại**. (**Ông Q có mặt**)

***- Bị đơn: 1. Chị Nguyễn Thị T***, sinh ngày 01/6/1986 (Vắng mặt)

**2. Anh Phạm Văn T**, sinh năm 01/01/1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh T có đơn yêu cầu **giải quyết** vắng mặt đề ngày 13/9/2024.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại đơn **khởi kiện** ngày 02/02/2024; bản tự khai ngày 06/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do ông Nguyễn Bảo Q là người đại diện của Ngân hàng trình bày như sau:

Giữa Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre, Phòng giao dịch Bình Đại (gọi tắt Ngân hàng) và chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T có ký kết **các** Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số LD1936400027 ngày 30/12/2019, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1936400027.1 ngày 09/04/2021:

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp;
- Lãi suất: 12%/năm;
- Thời gian vay: 05 năm (**tính từ ngày giải ngân ngày 07/01/2020 đến ngày 07/01/2025 đến hạn trả**).

Phương thức trả: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo Phụ lục về lịch trả nợ đính kèm Hợp đồng này hoặc đính kèm trong từng Giấy nhận nợ tương ứng (vốn trả theo từng năm, cứ mỗi năm trả 40.000.000 đồng; lãi trả theo từng tháng).

Trong quá trình thanh toán từ ngày 07/01/2022 đến ngày 03/06/2023: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T vẫn thanh toán tốt cho Ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 178.497.300 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm đồng). Trong đó:

- Vốn đã trả: 120.000.000 đồng.
- Lãi đã trả: 58.497.300 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày **03/07/2023** chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T không thực hiện thanh toán theo định kỳ như thỏa thuận trong phụ lục trả nợ, nên Ngân hàng đã vận động và chị T, anh T tiếp tục thanh toán nhưng đến ngày **03/11/2023** thì ngưng không thanh toán tiếp, nên chuyển sang quá hạn. Vốn lãi hiện tại tính đến ngày **25/9/2024** là: 92.241.193 đồng (Chín mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, một trăm chín mươi ba đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 80.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 11.901.697 đồng.
- Lãi quá hạn: 339.496 đồng.
- Số ngày quá hạn: 327 ngày.

+ **Tài sản đảm bảo khoản vay:** Theo Hợp đồng Thê chấp số LD1936400027 ngày 31/12/2019 gồm: Quyền sử dụng 487,3m<sup>2</sup> Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 302, tờ bản đồ số 6 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp

GCN: CS03128 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T làm chủ sử dụng đất, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức ngày 31/12/2019.

2. *Hợp đồng tín dụng số 202226539025 ngày 24/02/2022:*

- Số tiền vay: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng);
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp;
- Lãi suất: 11.5%/năm;
- Thời gian vay: 05 năm (tính từ ngày giải ngân 24/02/2022 đến ngày 24/02/2027 đến hạn trả).

- Phương thức trả: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo Phụ lục về lịch trả nợ đính kèm Hợp đồng này hoặc đính kèm trong từng Giấy nhận nợ tương ứng (vốn trả theo từng năm, cứ mỗi năm trả 80.000.000 đồng; lãi trả theo từng tháng).

Trong quá trình thanh toán từ ngày 24/02/2022 đến ngày 03/06/2023: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T vẫn thanh toán tốt cho Ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 141.221.699 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu, hai trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng). Trong đó:

- Vốn đã trả: 80.000.000 đồng.
- Lãi đã trả: 61.211.699 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày **03/07/2023** chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T không thực hiện thanh toán theo định kỳ như thỏa thuận trong phụ lục trả nợ, nên Ngân hàng đã vận động và chị T, anh T tiếp tục thanh toán nhưng đến ngày **03/11/2023** thì ngưng không thanh toán tiếp, nên chuyển sang quá hạn. Vốn lãi hiện tại tính đến ngày **25/9/2024** là: 364.791.568 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 320.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 43.094.795 đồng.
- Lãi quá hạn: 1.696.773 đồng.
- Số ngày quá hạn: 327 ngày.

+ **Tài sản đảm bảo khoản vay:** Theo Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng Thế chấp số LD1936400027.1 ngày 24/02/2022 gồm: Quyền sử dụng 487,3 m<sup>2</sup> Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 302, tờ bản đồ số 6 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS03128 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T làm chủ sử dụng đất, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức ngày 24/02/2022.

3. *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 25/12/2019.*

Ngày 25/12/2019 chị Nguyễn Thị T có yêu cầu Ngân hàng cấp thẻ tín dụng. Qua xác minh thực tế nhu cầu và tình hình kinh doanh của khách hàng, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho chị T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng ngày 25/12/2019. Loại thẻ tín dụng **Family**, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng, lãi suất: 30%/năm; cấp thẻ theo điều kiện khách hàng có tài sản đảm bảo. Thanh toán theo từng tháng, trả vốn tối thiểu 5% và chịu lãi theo thỏa thuận. Đến ngày 31/3/2022, bổ sung nâng hạn mức cho vay của thẻ từ 40.000.000 đồng lên 120.000.000 đồng.

Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 22/03/2022 đến ngày 22/07/2023 chị Nguyễn Thị T vẫn thực hiện đúng theo hợp đồng, nhưng từ ngày 23/07/2023 chị Nguyễn Thị T không thực hiện thanh toán, dẫn đến thẻ tín dụng bị quá hạn nhóm 05, dư nợ hiện tại tính đến ngày **25/9/2024** là: **175.301.036 đồng** (Một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm lẻ một nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 127.434.914 đồng.
- Lãi trong hạn: 31.910.748 đồng.
- Lãi quá hạn: 15.955.374 đồng.

Do không thực hiện đúng theo cam kết hợp đồng khi không thanh toán phần vốn lãi cho Ngân hàng, nên toàn bộ khoản nợ của khoản vay trên của khách hàng đã chuyển sang quá hạn.

Vì vậy, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số LD1936400027 ngày 30/12/2019 tính đến ngày **25/9/2024** là: 92.241.193 đồng (Chín mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, một trăm chín mươi ba đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 80.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 11.901.697 đồng.
- Lãi quá hạn: 339.496 đồng.

Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên, kể từ tiếp theo của ngày **25/9/2024**, đến khi chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

2. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 202226539025 ngày 24/02/2022 tính đến ngày 25/9/2024 là: 364.791.568 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 320.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 43.094.795 đồng.
- Lãi quá hạn: 1.696.773 đồng.

Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên, kể từ ngày tiếp theo của ngày **25/9/2024**, đến khi chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

3. Buộc cá nhân chị Nguyễn Thị T trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền dư

nợ thẻ tín dụng, tính đến ngày 25/9/2024 là: 175.301.036 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm lẻ một nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 127.434.914 đồng.
- Lãi trong hạn: 31.910.748 đồng.
- Lãi quá hạn: 15.955.374 đồng.

Ngân hàng tiếp tục tính lãi theo hợp đồng thẻ tín dụng trên, kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/9/2024, đến khi chị Nguyễn Thị T trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

4. Trường hợp chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T không trả tất toán nợ cho ngân hàng. Đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp theo: Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1936400027 ngày 31/12/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1936400027.1 ngày 24/02/2022 mà chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T đã ký để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số LD1936400027 ngày 30/12/2019, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1936400027.1 ngày 09/04/2021, Hợp đồng tín dụng số 202226539025 ngày 24/02/2022; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ký ngày 25/12/2019 có Thẻ tín dụng số tài khoản 3478533643.

+ Tài sản cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 487,3m<sup>2</sup> Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 302, tờ bản đồ số 6 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS03128 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T làm chủ sử dụng đất.

**Tại phiên tòa:** Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

\* *Tại biên bản hòa giải ngày 13/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T trình bày như sau:*

Anh chị thừa nhận vợ chồng có vay vốn và thế chấp tại Ngân hàng số tiền vay vốn và thế chấp tài sản như Ngân hàng đã trình bày là đúng. Nay anh chị đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng xin được trả dần, do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn.

**Về xử lý** tài sản thế chấp thì đồng ý theo quy định của pháp luật và hiện trạng không có gì thay đổi so với ban đầu, vẫn do anh chị đang quản lý.

\* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để buộc chị T và anh T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 25/9/2024, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1936400027 ngày 30/12/2019 là: 92.241.193



đồng, trong đó:

- Vốn gốc: 80.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn: 11.901.697 đồng.

- Lãi quá hạn: 339.496 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 202226539025 ngày 24/02/2022: 364.791.568 đồng, trong đó:

- Vốn gốc: 320.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn: 43.094.795 đồng.

- Lãi quá hạn: 1.696.773 đồng.

Ngân hàng tiếp tục tính lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ **ngày tiếp theo của ngày 25/9/2024**, đến khi chị T và anh T trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 25/12/2019: Buộc cá nhân chị T trả: **175.301.036 đồng**, trong đó:

- Vốn gốc: 127.434.914 đồng.

- Lãi trong hạn: 31.910.748 đồng.

- Lãi quá hạn: 15.955.374 đồng.

Ngân hàng tiếp tục tính lãi theo hợp đồng **thẻ tín dụng** trên, kể từ **ngày tiếp theo của ngày 25/9/2024**, đến khi chị T trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp chị T và anh T không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, để xử lý thu hồi nợ và lãi phát sinh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

*\* Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T có đơn yêu cầu **giải quyết** vắng mặt đề ngày 13/9/2024. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp quy định tại **khoản 1 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với số tiền còn nợ lại, tính đến ngày 25/9/2024 là **457.032.761** đồng, gồm nợ gốc và lãi và yêu cầu **cá nhân** chị T trả số tiền nợ vay thẻ tín dụng, tính đến ngày 25/9/2024 là **175.301.036 đồng**. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận cư trú ngày 01/02/2024 của Ngân hàng được Công an xã Thừa Đức xác nhận chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T có đăng ký thường trú và vẫn đang sinh sống tại ấp Thừa Long, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

[4]. Đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bổ sung tại phiên Tòa, nên Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 25/9/2024 là **457.032.761** đồng, gồm nợ gốc và lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 25/9/2024.

**Cơ sở chứng cứ:**

+ Hợp đồng tín dụng số: LD1936400027 ngày 30/12/2019, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1936400027.1 ngày 09/04/2021; Hợp đồng tín dụng số 202226539025 ngày 24/02/2022.

[5]. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: LD1936400027 ngày 30/12/2019, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1936400027.1 ngày 09/04/2021 thể hiện chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T có vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; Thời hạn cho vay: 05 năm (đến ngày 07/01/2025 đến hạn trả), **vốn trả theo định kỳ từng năm, mỗi năm trả 40.000.000 đồng**. Lãi suất thỏa thuận: 12%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% **lãi suất trong hạn**.

Hợp đồng tín dụng số 202226539025 ngày 24/02/2022, thể hiện chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T có vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; Thời hạn cho vay: 05 năm (đến ngày 24/02/2027 đến hạn trả), **vốn trả theo định kỳ từng năm, mỗi năm trả 80.000.000 đồng**. Lãi suất thỏa thuận: 11.5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% **lãi suất trong hạn**.

Các Hợp đồng được 02 bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, chị T, anh T đã đồng ý ký tên xác nhận, đồng ý với các điều khoản của hợp đồng. Chị T, anh T đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng số: LD1936400027 ngày 30/12/2019 vào ngày 07/01/2020 (**Theo giấy nhận nợ ngày 07/01/2020**); nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng số: 202226539025 ngày 24/02/2022 vào ngày 24/02/2022 (**Theo giấy nhận nợ ngày 24/02/2022**), trong quá trình vay anh chị đã thanh toán trả cho Ngân hàng tiền lãi trong hạn và vốn trả theo định kỳ đầy đủ, nhưng từ ngày **03/11/2023** thì ngưng không thanh toán, nên chuyển sang quá hạn.

Số tiền chưa thanh toán tính đến ngày **25/9/2024** của Hợp đồng tín dụng số: LD1936400027 ngày 30/12/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng

số LD1936400027.1 ngày 09/04/2021 là: **92.241.193** đồng, trong đó: Vốn gốc: 80.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 11.901.697 đồng; Lãi quá hạn: 339.496 đồng.

Số tiền chưa thanh toán tính đến ngày **25/9/2024** của Hợp đồng tín dụng số: 202226539025 ngày 24/02/2022 là: 364.791.568 đồng, trong đó: Vốn gốc: 320.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 43.094.795 đồng; Lãi quá hạn: 1.696.773 đồng.

Chị T, anh T thừa nhận có giao dịch vay tiền như Ngân hàng trình bày là đúng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án là các Hợp đồng tín dụng, **thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng; giấy nhận nợ ngày 07/01/2020, ngày 24/02/2022**. Căn cứ vào **khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là **tình tiết, sự kiện** không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì chị T, anh T đã thực hiện hết quyền nhận tài sản nhưng không thanh toán nợ đầy đủ, gồm vốn và lãi khi đến hạn trả nợ, là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại **Điều 2** của các Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Nên nay Ngân hàng yêu cầu chị T, anh T trả tiếp số tiền vay còn nợ lại tính đến ngày **25/9/2024 như nêu trên** là có căn cứ phù hợp với quy định **khoản 2 Điều 103** của Luật các Tổ chức **tín dụng năm 2024**; nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu tiếp tục **tính lãi** phát sinh, kể từ **ngày tiếp theo của ngày 25/9/2024** cho đến khi chị T, anh T trả tất nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, **thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng** mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định tại **khoản 2 Điều 100** của Luật các Tổ chức tín dụng **năm 2024**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu cá nhân chị Nguyễn Thị T, phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ **thẻ tín dụng**, tính đến ngày **25/9/2024** là **175.301.036 đồng**:

**Cơ sở chứng cứ:** **Giấy đề nghị cấp** thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ký ngày 25/12/2019.

[7]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ký ngày 25/12/2019, thể hiện chị Nguyễn Thị T có yêu cầu cấp thẻ tín dụng cho chị với hạn mức là 40.000.000 đồng, loại thẻ Family, mục đích tiêu dùng, lãi suất: 30%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% **lãi suất trong hạn**; cấp thẻ theo điều kiện khách hàng có tài sản đảm bảo. Thanh toán theo từng tháng, trả vốn tối thiểu 5% và chịu lãi theo thỏa thuận. Đến ngày 31/3/2022, bổ sung nâng hạn mức cho vay của thẻ từ 40.000.000 đồng lên 120.000.000 đồng.

Hợp đồng được 02 bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, chị T đã đồng ý ký tên xác nhận, đồng ý với các điều khoản của hợp đồng. Chị T đã nhận thẻ vào ngày 28/02/2020 (Theo **phiếu yêu cầu** ngày 28/02/2020) và trong quá trình sử dụng thẻ chị T đã thanh toán trả cho Ngân hàng tiền lãi trong hạn và vốn đúng theo hợp đồng, nhưng từ ngày 23/7/2023 chị T không thực hiện thanh toán, dẫn đến thẻ tín dụng bị



quá hạn, dư nợ tính đến ngày 25/9/2024 là: 175.301.036 đồng, trong đó: Vốn gốc: 127.434.914 đồng; Lãi trong hạn: 31.910.748 đồng; Lãi quá hạn: 15.955.374 đồng.

Chị T thừa nhận có giao dịch vay tiền như Ngân hàng trình bày là đúng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ký ngày 25/12/2019. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên. Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì chị T đã thực hiện hết quyền nhận tài sản nhưng không thanh toán nợ đầy đủ, gồm vốn và lãi theo thỏa thuận, là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 18, 24 của Hợp đồng thẻ tín dụng mà hai bên ký kết. Nên nay Ngân hàng yêu cầu chị T trả số tiền vay còn nợ lại tính đến ngày 25/9/2024 như nêu trên là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 2 Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh, kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/9/2024 cho đến khi chị Nguyễn Thị T trả tất nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

#### [9]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: LD1936400027 ngày 31/12/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1936400027.1 ngày 24/02/2022 mà chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T đã ký để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số LD1936400027 ngày 30/12/2019, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1936400027.1 ngày 09/04/2021, Hợp đồng tín dụng số 202226539025 ngày 24/02/2022; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 25/12/2019, có Thẻ tín dụng số tài khoản 3478533643, thẻ hiện Bên thế chấp là chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T; bên nhận thế chấp là Ngân hàng, thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 706994, số vào sổ cấp GCN: CS03218 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho chị Nguyễn Thị T ngày 10/10/2019; Thửa đất số: 302, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ thửa đất: xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, diện tích: 487,3m<sup>2</sup>.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm được thực hiện đúng trình tự thủ tục; hợp đồng được công chứng, chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, hoàn thành thủ tục đăng ký thế chấp giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Đại. Vì vậy, hợp đồng thế chấp này là hợp pháp. Theo biên bản xác minh thì tài sản thế chấp hiện vẫn do anh chị đang trực tiếp quản lý, không có gì thay đổi.

Do vậy, khi chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng khi đến thời hạn trả, là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, Ngân hàng có quyền

yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tại **Điều 1, Điều 6** của Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: LD1936400027 ngày **31/12/2019**; **Điều 1** của Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1936400027.1 ngày **24/02/2022**; **Điều 18** của Hợp đồng **thẻ tín dụng** ngày 25/12/2019 (**Giấy đề nghị cấp** thẻ tín dụng kiêm hợp đồng) và phù hợp với quy định tại **khoản 2 Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11]. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị T và anh T được chấp nhận, nên chị T và anh T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí của số tiền 457.032.761 đồng là:

$$\begin{aligned} 457.032.761 \text{ đồng} &= 20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 57.032.761 \text{ đồng}) \\ &= 22.281.310 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị T được chấp nhận, nên **chị T** phải có nghĩa vụ chịu án phí của số tiền 175.301.036 đồng là:

$$175.301.036 \text{ đồng} \times 5\% = 8.765.051 \text{ đồng.}$$

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào **khoản 2 Điều 103; khoản 2 Điều 100** của Luật các Tổ chức tín dụng năm **2024**;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; **Điều 254**; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**2.** Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ **liên đới** trả cho Ngân hàng T (*do Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre - Phòng Giao dịch Bình Đại đại diện nhận*) số tiền nợ vay tính đến **ngày 25/9/2024**, cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số: LD1936400027 ngày 30/12/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1936400027.1 ngày 09/04/2021 là:

92.241.193 đồng (Chín mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, một trăm chín mươi ba đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

- Lãi trong hạn: 11.901.697 đồng (Mười một triệu, chín trăm lẻ một nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng).

- Lãi quá hạn: 339.496 đồng (Ba trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng).

+ Theo Hợp đồng tín dụng số: 202226539025 ngày 24/02/2022 là: 364.791.568 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

- Lãi trong hạn: 43.094.795 đồng (Bốn mươi ba triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng).

- Lãi quá hạn: 1.696.773 đồng (Một triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T còn phải **có nghĩa vụ liên đới** chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi **suất các** bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: LD1936400027 ngày 30/12/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1936400027.1 ngày 09/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số: 202226539025 ngày 24/02/2022 mà các bên đã ký kết.

*(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà **chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).*

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với cá nhân chị Nguyễn Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

5. Buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (*do Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre - Phòng Giao dịch Bình Đại đại diện nhận*) số tiền nợ vay **của thẻ tín dụng**, tính đến ngày **25/9/2024** là: **175.301.036 đồng** (Một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm lẻ một nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 127.434.914 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm mười bốn đồng).

- Lãi trong hạn: 31.910.748 đồng (Ba mươi một triệu, chín trăm mười nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng).

- Lãi quá hạn: 15.955.374 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng).

6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị T còn phải **có nghĩa vụ** chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng **thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng)** mà các bên đã ký kết.

*(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị Nguyễn Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).*

7. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T, thì **buộc** chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T **có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản thế chấp** để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất hai bên đã ký kết số: LD1936400027 ngày 31/12/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1936400027.1 ngày 24/02/2022 để đảm bảo thu hồi nợ và lãi phát sinh.

## **8. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

**8.1.** Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T phải chịu là 22.281.310 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, ba trăm mười đồng).

**8.2.** Chị Nguyễn Thị T phải chịu là 8.765.051 đồng (Tám triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi một đồng).

**8.3.** Ngân hàng T (do Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre - Phòng Giao dịch Bình Đại đại diện nhận) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.103.411 đồng (Mười ba triệu, một trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm mười một đồng) theo biên lai thu tiền số 0005728 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Ngân hàng** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Mỹ Duyên**



